

Phụ lục IV
Appendix IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

CÔNG TY CP ĐT - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

INVESTMENT COMMERCE FISHERIES CORPORATION

Số: **0.6**/BC-0425-QT-ICF

Tp. HCM, ngày 02 tháng 4 năm 2025

No: **0.6**./BC-0425-QT-ICF

Ho Chi Minh City, month 4 day 02 year 2025

BÁO CÁO/ ANNUAL REPORT
Thường niên năm 2024/ Year 2024

Kính gửi/ To: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission,*
- Sở Giao dịch chứng khoán/ *The Stock Exchange.*

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát:/ *General information:*

- Tên giao dịch:/ *Trading name:* CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN/ *INVESTMENT COMMERCE FISHERIES CORPORATION*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Business Registration Certificate No.:* 0301805696
- Vốn điều lệ/ *Charter capital:* 128.070.000.000 đồng/ *128.070.000.000 VND*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital:* 128.070.000.000 đồng/ *128.070.000.000 VND*
- Địa chỉ/ *Address:* Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh/ *Lot A77/I Road No.7, Vinh Loc Industrial Park, Binh Hung Hoa B Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Viet Nam.*
- Số điện thoại/ *Telephone:* (028) 3765 3145
- Website: www.incomfish.com
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any):* ICF
- Quá trình hình thành và phát triển/ *Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish) được thành lập ngày 01/9/1999 với lĩnh vực hoạt động chính là đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủy hải sản đông lạnh. Là công ty được thành lập trên cơ sở đóng góp của các cổ đông là thể nhân và pháp nhân mới

dưới hình thức Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp/*Investment Commerce Fisheries Corporation (Incomfish) was established on 01/9/1999 with the main field of activity being investment, import and export of frozen seafood. The company was established on the basis of capital contributions from individual shareholders and new legal entities in the form of a Joint Stock Company under the Enterprise Law.*

Đến năm 2001, căn cứ theo kế hoạch định hướng khi thành lập nhằm đảm bảo phát triển Công ty bền vững và lâu dài, đồng thời để chủ động nguồn cung cấp sản phẩm cho xuất khẩu, Công ty đã triển khai Dự án xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh./*By 2001, based on the orientation plan when establishing to ensure the sustainable and long-term development of the Company, proactively supplying export products. The Company implemented the project to build a frozen seafood processing factory in Vinh Loc Industrial Park, Binh Tan District, Ho Chi Minh City.*

Sau hơn một năm xây dựng từ năm 2001 đến tháng 6/2002, Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu với công suất sản xuất ổn định các mặt hàng có giá trị gia tăng từ 6.000 tấn/năm - 6.500 tấn/năm đã đi vào sản xuất thử, sau đó đi vào sản xuất chính thức từ đầu năm 2003 cho đến nay. Nhà máy Incomfish được đầu tư và trang bị máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến, đồng bộ để chế biến thủy hải sản, thực phẩm với đa dạng sản phẩm./*After more than one year of construction from 2001 to June 2002, the frozen seafood processing factory has a production capacity of 6,000 - 6,500 tons/year for value-added products during test production, then has officially gone into production from the beginning of 2003 until now. Incomfish is equipped with advanced technology and machineries to process seafood and food with a variety of products.*

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận số 47/TTGDHN-ĐKGD ngày 29/11/2006 về việc được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đã giao dịch phiên đầu tiên vào ngày 18/12/2006. Sau một năm giao dịch tại Hà Nội, Công ty đã chuyển về giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của HOSE và bắt đầu giao dịch tại HOSE từ ngày 18/12/2007 cho đến ngày 11/4/2019. Từ ngày 14/5/2019 đến nay giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 262/QĐ-SGDHN./*The Company was granted Certificate No. 47/TTGDHN-DKGD dated 29/11/2006 on registration for trading common shares at the Hanoi Stock Exchange and had its first trading session on 18/12/2006. After one year of trading in Hanoi, the Company transferred to trade at the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) under Decision No. 170/QD-SGDHCM dated 11/12/2007 of HOSE and started trading at HOSE from 18/12/2007 to 11/4/2019. From 14/5/2019 to present, Upcom trading has been done at the Hanoi Stock Exchange under Decision No. 262/QD-SGDHN.*

- Các sự kiện khác/ *Other events:*

Từ khi thành lập, Incomfish đã áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong suốt quá trình sản xuất để đảm bảo các tiêu chuẩn cao về chất lượng và an toàn thực phẩm như: HACCP, BRC (British Retail Consortium), ISO 9001:2008, IFS (International Food Standards), ACC (Aquaculture Certificate Council), MSC (Marine Stewardship Council). Ngoài ra, từ năm 2008, Công ty đã triển khai và đạt được các tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội - SA 8000 (Social Accountability), BSCI (Business Social Compliance Initiative); Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Do yêu cầu của thị trường xuất khẩu, hiện tại Công ty vẫn duy trì các chứng nhận an toàn thực phẩm BRC; tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội của Costco Wholesale Corporation, chứng nhận MSC và chứng nhận HALAL./*Since its establishment, Incomfish has applied quality control systems throughout the production process to ensure high quality and food safety standards, such as: HACCP, BRC (British Retail Consortium), ISO 9001:2008, IFS (International Food Standards), ACC (Aquaculture Certificate Council), MSC (Marine Stewardship Council). In addition, since 2008, the Company has implemented and achieved*

Social Accountability standards - SA 8000 (Social Accountability), BSCI (Business Social Compliance Initiative); Laboratory meets ISO/IEC 17025:2005 standards. Due to the requirements of the export market, the Company currently maintains BRC food safety certification; Costco Wholesale Corporation's Social Responsibility standard, MSC certification and HALAL certification.

Với mặt hàng chủ lực là các sản phẩm giá trị gia tăng bán vào thị trường Châu Âu, Châu Á, Bắc Mỹ và một số thị trường đặc biệt khó tính khác, ... đã tạo cho Công ty Incomfish có lợi thế cạnh tranh cao so với các nhà máy khác trong nước và khu vực; đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU, Mỹ, Canada, Nhật, Hàn quốc, Trung quốc, ... với các code DL189, DL368, NM188 và HK187. Công ty là thành viên của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) và Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI)./With value-added being the main products and sold to the EU, Asia, NA and other demanding markets, Incomfish has created a high competitive advantage compared to other factories in the country and region; Incomfish also meets the standards for exporting seafood products to the EU, NA, Japan, Korea, and China ... with codes DL189, DL368, NM188 and HK187. The company is a member of the Vietnam Association of Seafood Exporters and Producers (VASEP) and the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:/ *Business lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/ *Business lines:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Chế biến các sản phẩm từ thủy sản, nông sản, thực phẩm đông lạnh xuất khẩu./*Processing of frozen seafood, agricultural products, food for export.*

- Địa bàn kinh doanh/ *Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường EU, Nhật bản, Mỹ, Canada, Trung Quốc và các thị trường khác./*Mostly exported to EU, Japan, USA, Canada, China and other markets.*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus:*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/ *Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần./*The Company is organized according to the model of a Joint Stock Company:*

+ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. ĐHĐCĐ bầu ra Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS)./ *General Meeting of Shareholders: is the highest authority of the Company, deciding on the short-term and long-term development orientation, business plan and annual financial plan of the Company. The General Meeting of Shareholders elects the Board of Directors and the Board of Supervisors.*

+ Hội đồng Quản trị: có chức năng quản trị cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng./ *Board of Directors has the highest*

administrative function in the Company, has full authority on behalf of the Company to decide on all matters related to the purpose and interests of the Company, except for matters under the authority of the General Meeting of Shareholders; decides on the Company's executive apparatus including the General Director, Deputy General Director and Chief Accountant.

Hội đồng Quản trị Công ty gồm các thành viên:*The Company's Board of Directors consists of members:*

1) Bà Nguyễn Thị Kim Xuân/*Mrs. Nguyen Thi Kim Xuan* - Chủ tịch HĐQT/*Chairman of the Board*

2) Ông Đặng Việt Hùng/*Mr. Dang Viet Hung* - Thành viên HĐQT/*Board Member*

3) Ông Nguyễn Khoa Đình Hoàng/*Mr. Nguyen Khoa Dinh Hoang* - Thành viên HĐQT độc lập/*Independent members of the Board*

4) Bà Nguyễn Thị Kim Thu/*Ms. Nguyen Thi Kim Thu* - Thành viên HĐQT/*Board Member*

+ Ban Kiểm soát:*Board of Supervisors*: là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành Công ty.*Is an organization that represents shareholders to control all production, business and operational activities of the company.*

Ban Kiểm soát gồm các thành viên:*The Board of Supervisors consists of members:*

1) Bà Nguyễn Thị Nhung/*Mrs. Nguyen Thi Nhung* - Trưởng ban/*Chief Supervisory Board*

2) Ông Nguyễn Thế Phong/*Mr. Nguyen The Phong* - Thành viên/*Members of Board of Supervisors*

3) Bà Lê Thị Thu Vân/*Mrs. Le Thi Thu Van* - Thành viên/*Members of Board of Supervisors*

- Cơ cấu bộ máy quản lý:*Management structure:*

+ Ban Điều hành Công ty:*Company Executive Board:*

1) Bà Nguyễn Thị Kim Xuân/*Mrs. Nguyen Thi Kim Xuan* - Chủ tịch HĐQT/*Chairman of the Board*

2) Ông Đặng Việt Hùng/*Mr. Dang Viet Hung* - TV.HĐQT/*Board Member*; Tổng Giám đốc/*General Director*

3) Bà Nguyễn Thị Kim Thu/*Ms. Nguyen Thi Kim Thu* - TV.HĐQT/*Board Member*; Phó Tổng Giám đốc/*Vice General Director*

4) Bà Phạm Thị Bích Phượng/*Mrs. Pham Thi Bich Phuong* - Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

+ Các Phòng ban chức năng và Bộ phận trực thuộc:*Functional Departments and Affiliated Divisions:*

1) Bộ phận Kinh doanh/*Trading Division*

2) Bộ phận Tài chính/*Finance Division*

3) Bộ phận Quản trị/*Administration Division*

4) Bộ phận Quản lý chất lượng/*Quality Management Division*

5) Bộ phận Dịch vụ sản xuất/*Production Service Division*

6) Bộ phận Sản xuất/*Production Division*

- Các công ty con, công ty liên kết: / *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết / *Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Công ty liên kết: / *Associated companies*:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng số vốn đầu tư đăng ký là 900,000.00 USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2024 là 900,000.00 USD (tương đương 14,992,000,000 VNĐ). / *US Investment Commerce Fisheries Corporation (Incomfish US) in the United States. The total registered investment capital is 900,000.00 USD, the actual contributed capital to date at 31/12/2024 is 900,000.00 USD (equivalent to 14,992,000,000 VND)*.

.4. Định hướng phát triển: / *Development orientations*:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: / *Main objectives of the Company*:

+ Chú trọng tiết kiệm chi phí để nâng cao tính cạnh tranh. / *Focus on cost savings to improve competitiveness*.

+ Giảm thiểu hàng tồn kho thành phẩm, bán thành phẩm. / *Reduce finished/semi-finished product inventory*.

+ Tận dụng cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị hiện có, nhận thêm các đơn hàng gia công. / *Leverage existing infrastructure and machinery, take on more processing orders*.

+ Tuân thủ chế độ tài chính kế toán và nghĩa vụ thuế theo quy định của nhà nước. / *Comply with financial accounting regimes and tax obligations as prescribed by the state*.

+ Không ngừng nâng cao đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; khám sức khỏe định kỳ theo quy định. / *Continuously improve the lives of workers, fully implement social insurance, health insurance, unemployment insurance; periodically check health according to regulations*.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: / *Development strategies in medium and long term*:

+ Khai thác tối đa công suất thiết bị, diện tích nhà xưởng. / *Maximize the capacity of existing equipment and factory area*.

+ Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược phù hợp với mô hình của Công ty để gia tăng thể mạnh và phát triển Công ty trong thời gian ngắn nhất. / *Select strategic partners suitable for the Company's model to further Incomfish's strengths and development*.

+ Để tăng công suất và sản lượng, Công ty hướng tới việc hợp tác chế biến hàng sản xuất xuất khẩu cho khách hàng nước ngoài và gia công chế biến cho khách hàng trong nước. / *To increase production capacity, the Company aims to incorporate processing contracts for foreign and domestic clients*.

+ Tăng cường quản lý và không ngừng nâng cao vai trò quản lý chất lượng sản phẩm để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước. / *Strengthen management and continuously improve quality to meet the increasing demands of domestic and foreign consumers*.

+ Hướng tới sự phát triển lâu dài và bền vững trong ngành thực phẩm, cung cấp sản phẩm sạch với ý thức tham gia bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. / *Aim for long-term and sustainable development in the food industry, providing clean products with awareness of environmental protection and social responsibility*.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to corporate environment, society and community sustainability.*

+ Tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội./*Participate in environmental protection and social responsibility activities.*

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng, chống lãng phí nguyên nhiên vật liệu./*Build corporate culture, implement energy saving policies, and prevent waste of raw materials.*

+ Duy trì hoạt động của các tổ chức đoàn thể để phục vụ quyền lợi chính đáng của Người lao động./*Maintain the activities of mass organizations to serve the legitimate interests of workers.*

+ Từng bước cải thiện kết quả kinh doanh nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông./*Gradually improve business results, ensuring the benefits of shareholders.*

5. Các rủi ro:/ *Risks:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

- Ngày càng phát sinh thêm nhiều các yêu cầu nghiêm ngặt của thị trường xuất khẩu làm tăng chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí thực hiện và duy trì các quy định, tiêu chuẩn định kỳ. Cũng như khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu đó./*Increasingly stringent export market requirements increase production costs, sales costs, implementation and maintenance costs of regulations and standards. As well as difficulties in meeting those requirements.*

- Sự phát triển về kinh tế, văn hóa, giáo dục và xã hội của đất nước đã chuyển dịch Người lao động từ trực tiếp sản xuất sang các ngành nghề dịch vụ và kinh doanh nhỏ. Nhiều tỉnh thành trong cả nước mở rộng xây dựng khu công nghiệp, gây nên sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn lao động trực tiếp sản xuất lâu dài và có tay nghề./*The economic, cultural, educational and social development of the country has shifted labor from direct production to service industries and small businesses. Many provinces and cities across the country have expanded the construction of industrial parks, causing a serious shortage of direct production labor and skilled labor.*

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:/ *Situation of production and business operations:*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:* Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,.../ *Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc...*

+ Năm 2024 kết thúc trong điều kiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn./*2024 ended in a difficult business context for the company.*

+ Nguồn vốn lưu động từ nguồn vốn vay ngân hàng với xu hướng giảm dần hạn mức chưa đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh./*Working capital still depends on bank loans with a tendency to gradually reduce limits and personal loans.*

+ Chi phí đầu vào như điện, nước cấp, nước thải, xăng dầu, ... tăng định kỳ hàng năm, trong khi tính chất ngành nghề chế biến thủy sản chủ yếu tiêu thụ nguồn điện, nước và nước thải

rất lớn./Costs such as electricity, water, wastewater, gasoline, etc. increase periodically every year, while the nature of the seafood processing industry mainly consumes a large amount of electricity, water and wastewater.

+ Chi phí bán hàng tăng rất cao do biến động cước vận chuyển quốc tế tăng cao đột biến trong năm do tình trạng xung đột vũ trang tại Biển đỏ làm ảnh hưởng đến các tuyến vận tải biển phải đi đường vòng với thời gian dài ngày hơn và chi phí cao hơn./Cost of sales increased significantly due to fluctuations in international shipping rates during the year due to armed conflict in the Red Sea, which affected shipping routes and required longer detours and higher costs.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm./Business management costs decrease.

+ Sau hơn 20 năm hoạt động, cơ sở hạ tầng xuống cấp, các chi phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng đều tăng./After more than 20 years of operation, infrastructure has degraded, maintenance and repair costs of machinery, equipment, and factories have all increased.

+ Chi phí duy trì các chứng nhận, tiêu chuẩn hàng năm tăng./Annual costs of maintaining certification and standards increase.

+ Phát sinh thêm chi phí các yêu cầu khác của thị trường xuất khẩu ngày càng nhiều./ Costs arising from other requirements of the export market increase.

+ Đặc thù của ngành thủy sản, lao động vào ra liên tục nên tay nghề chưa cao, năng suất lao động còn thấp, Công ty phải bù đắp chi phí học việc cho lao động mới./The nature of the seafood industry is that workers come and go continuously, so their skills are not high, labor productivity is low, and the company has to compensate for the training costs for new workers.

+ Bộ máy quản lý của Công ty tương đối ổn định, hoạt động hiệu quả và có tinh thần chia sẻ khó khăn chung với Công ty./The company's management apparatus is relatively stable, operates effectively, and has the spirit of sharing common difficulties with the Company.

+ Các chỉ tiêu tài chính năm 2024 chưa đạt được so với kế hoạch đã đề ra./Financial targets for 2024 did not meet the set plan.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch./Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years.

Nội dung/ Contents	ĐVT/ Unit	Kế hoạch 2024/ Plan 2024	Thực hiện các năm/ Implementation of the years		So sánh (%)/ Comparison (%)	
			2024	2023	Kế hoạch/ Plan	Cùng kỳ/ Same Period
Doanh số xuất khẩu/ Export sales	Triệu USD/ Million USD	2.5	1.6	1.7	64.00	92.92
Doanh thu/ Revenue	Tỷ đồng/ Billion VND	60.0	45.4	51.0	75.67	89.02
Sản lượng sản xuất và gia công/	Tấn/ Tons	750	743.5	623	99.13	119.34

<i>Production and processing output</i>						
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	1.0	0.3	0.3	30.00	101.45

Doanh số xuất khẩu và Doanh thu trong năm giảm nhẹ so với năm trước và chưa đạt kế hoạch đã đề ra. Sản lượng sản xuất và gia công đạt kế hoạch đã đề ra và tăng nhẹ so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa đạt kế hoạch đã đề ra và tương đương so với năm trước./*Export turnover and Revenue in the year decreased slightly compared to the previous year and did not reach the set plan. Production and processing output reached the set plan and increased slightly compared to the previous year. Profit after tax did not reach the set plan and was equivalent to the previous year.*

2. Tổ chức và nhân sự./*Organization and Human resource:*

- Danh sách Ban điều hành./*List of the Board of Management:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other Managers.*

Danh sách Ban điều hành./*List of the Board of Management:*

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Giới tính/ <i>Gender</i>	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>	Thâm niên công tác/ <i>Work experience</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Số hữu CP (%)/ <i>Shares owned</i>
1	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân/ <i>Mrs. Nguyen Thi Kim Xuan</i>	Nữ/ <i>Female</i>	24/06/1959	Kỹ sư thủy sản/ <i>Aquatic Engineer</i>	1999	Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of the Board</i>	18.34
2	Ông Đặng Việt Hùng/ <i>Mr. Dang Viet Hung</i>	Nam/ <i>Male</i>	08/02/1963	Kỹ sư nhiệt/ <i>Thermal Engineer</i>	2000	Tổng Giám đốc/ <i>General Director:</i>	0.03
3	Bà Nguyễn Thị Kim Thu/ <i>Ms. Nguyen Thi Kim Thu</i>	Nữ/ <i>Female</i>	15/04/1961	Thạc sỹ kinh tế/ <i>MA in Economics</i>	2002	Phó Tổng Giám đốc/ <i>Vice General Director</i>	7.57
4	Bà Phạm Thị Bích Phương/ <i>Mrs. Pham Thi Bích Phuong</i>	Nữ/ <i>Female</i>	19/07/1986	Cử nhân kế toán/ <i>BA in accounting</i>	2018	Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>	0.00

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management* (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):/ *(List the changes in the Board of Management in the year):* Không thay đổi/ *No change*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

+ Số lượng Người lao động:/Number of staffs: Tại thời điểm 31/12/2024:/At time 31/12/2024: 103 người/103 person

+ Cơ cấu lao động:/Employment structure:

Trình độ/ Education	Số người/ Number of people	Tỷ lệ (%)/ Ratio (%)
Sau đại học/Postgraduate	03	2.9%
Đại học/University	26	25.2%
Cao đẳng và Trung cấp/College and Secondary	18	17.5%
Lao động phổ thông/General labor	56	54.4%

+ Thay đổi trong chính sách đối với Người lao động:/Changes in Labor Policy: Không thay đổi/No change

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:/Investment activities, project implementation:

a) Các khoản đầu tư lớn:/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/Specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets: Không có/Do not have

b) Các công ty con, công ty liên kết:/ Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

- Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900,000.00 USD, số vốn thực góp đến nay vẫn là 900,000.00 USD (tương đương 14.992.000.000 đồng), không thay đổi./Overseas investment to establish Incomfish US in the United States. The total registered investment capital is 900,000.00 USD, the actual contributed capital to date is still 900,000.00 USD (equivalent to 14,992,000,000 VND), unchanged.

Khoản đầu tư này hoạt động không hiệu quả do mặt hàng tôm xuất khẩu vào Mỹ bị áp thuế chống bán phá giá. Công ty Incomfish US phải đóng thuế chống bán phá giá của những năm đầu và Công ty đã duy trì theo đuổi vụ kiện này đến giai đoạn thứ 17 (POR-17)./This investment was ineffective because shrimp exports to the US were subject to anti-dumping duties. Incomfish US had to pay anti-dumping duties in the early years and the Company continued to pursue this lawsuit until the 17th phase (POR-17).

4. Tình hình tài chính:/Financial situation:

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2023	Năm/ Year 2024	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	194.3	187.9	(3.30)
Doanh thu thuần/Net revenue	48.9	45.4	(7.25)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	12.0	10.9	(9.45)
Lợi nhuận khác/Other profits	(0.2)	(0.2)	8.11
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	0.3	0.3	-
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	0.3	0.3	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	-	-	-

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures:* (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *Depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*): Không có/ *Do not have*

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2023	Năm/ Year 2024	Ghi chú/ Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	3.02	3.44	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i> (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset - Inventories</i>)/ <i>Short term Debt</i>	0.12	0.13	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>Capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0.56	0.55	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)	1.29	1.20	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods</i>	0.27	0.26	

<i>sold/Average inventory)</i>			
+ Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover:</i> Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân <i>(Net revenue/Average Total Assets)</i>	0.25	0.24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/<i>Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>Profit after tax/Net revenue Ratio</i>)	0.01	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>Profit after tax/Total capital Ratio</i>)	0.003	0.003	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>Profit after tax/Total assets Ratio</i>)	0.001	0.001	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/Net revenue Ratio</i>)	0.01	0.01	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: / *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần: / *Shares:* Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/ *Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: / *Total number and types of floating shares:* 12,807,000 cổ phần/12,807,000 shares

- Loại cổ phần đang lưu hành: / *Type of outstanding shares:* Cổ phần phổ thông/Common shares

- Mệnh giá cổ phần: / *Par value of shares:* 10,000 đồng/cổ phần/ 10,000 VND/share

b) Cơ cấu cổ đông: / *Shareholders structure:* Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

STT No.	Cơ cấu cổ đông/ <i>Shareholders structure</i>	Số lượng cổ đông/ <i>Number of shareholders</i>	Số cổ phần sở hữu/ <i>Number of shares owned</i>	Tỷ lệ sở hữu (%) / <i>Ownership ratio (%)</i>
---------	---	--	---	--

1	Trong đó cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP)/ <i>In which major shareholders (holding more than 5% of shares)</i>	05	7,010,422	54.74
2	Cổ đông nhỏ/ <i>Minority shareholders</i>	1,423	5,796,578	45.26
Tổng		1,428	12,807,000	100.00
1	Cổ đông tổ chức/ <i>Institutional shareholders</i>	05	15,480	0.12
2	Cổ đông cá nhân/ <i>Individual shareholders</i>	1,423	12,791,520	99.88
Tổng		1,428	12,807,000	100.00
1	Cổ đông trong nước/ <i>Domestic shareholders</i>	1402	12,456,540	97.26
2	Cổ đông nước ngoài/ <i>Foreign shareholders</i>	26	350,460	2.74
Tổng		1,428	12,807,000	100.00
1	Cổ đông nhà nước/ <i>State shareholders</i>	-	-	-
2	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders</i>	1,428	12,807,000	100.00
Tổng		1,428	12,807,000	100.00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp*)/ *Specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc*: Không thay đổi/ *No change*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: Không có cổ phiếu quỹ/ *No treasury stocks*

e) Các chứng khoán khác:/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues*: Không có/ *Do not have*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*:

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:/ *Total direct and indirect GHG emission*: 1,610 tấn CO₂ từ sử dụng điện, gas, xăng, dầu DO, ... nhưng lượng phát thải chủ yếu

từ sử dụng điện mua/ *1,610 tons of CO2 from using electricity, gas, gasoline, DO oil, ... but the main emission is from using purchased electricity.*

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission:*

+ Công ty luôn chủ trương tiết kiệm năng lượng mặc dù do tính chất ngành nghề sử dụng chủ yếu là năng lượng điện và nước với số lượng lớn/ *The company always advocates energy saving even though the nature of the industry mainly uses electricity and water in large quantities.*

+ Về năng lượng điện: Công ty hướng tới việc sử dụng năng lượng mặt trời khi có đủ điều kiện và thực sự hiệu quả/ *Regarding electricity: The company aims to use solar energy when conditions permit and when it is truly effective.*

+ Trồng nhiều cây xanh/ *Plant more trees.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:/ *Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year: 367.3 tấn/367.3 tons.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization: Không có/ Do not have*

6.3. Tiêu thụ năng lượng:/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:/ *Energy consumption - directly and indirectly:*

STT No.	Loại năng lượng/ <i>Energy type</i>	ĐVT/ <i>Unit of measurement</i>	Số lượng tiêu thụ/ <i>Quantity consumed</i>
1	Điện/ <i>Electricity</i>	kWh/kWh	2,194,578
2	Xăng/ <i>Gasoline</i>	Lít/Litres	7,800
3	Dầu DO/ <i>DO Oil</i>	Lít/Litres	0
4	Gas lạnh (NH3)/ <i>Refrigerated gas (NH3)</i>	Kg/Kg	3,000
5	Gas/ <i>Gas</i>	Kg/Kg	2,295

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy: Không có/ Do not have.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives: Không có/ Do not have*

6.4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year):*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used*

- Mua nước sạch của Khu Công nghiệp/ *Purchase of clean water from the Industrial Park*

- Lượng nước sử dụng/ *Amount of water used: 9,613 m³/9,613 m³*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:/ *Percentage and total volume of water recycled and reused: Không có/ Do not have*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: Không có/ Do not have*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không có/ Do not have*

6.6. Chính sách liên quan đến Người lao động:/ *Policies related to employees:*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với Người lao động:/ *Number of employees, average wages of workers:*

- Số lượng lao động/ *Number of employees: 103 người/103 person*

- Mức lương trung bình đối với Người lao động:/ *Average wages of workers: 8,000,000 đồng/8,000,000 VND.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của Người lao động:/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers:*

- Công ty triển khai thực hiện tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội từ cuối năm 2019 và duy trì đến nay. Vì vậy các chính sách đối với Người lao động luôn đảm bảo đúng qui định Nhà nước và yêu cầu các tiêu chuẩn mà Công ty đang áp dụng/ *The company has implemented the Social Responsibility standard since the end of 2019 and maintained it until now. Therefore, policies for employees always ensure compliance with State regulations and the requirements of the standards that the company is applying.*

- Duy trì đội ngũ lao động tay nghề cao, gắn bó lâu dài với Công ty. Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm và 1 lần/năm tương ứng đối tượng theo qui định/ *Maintain a team of highly qualified workers who are long-term loyal to the company. Fully implement social insurance, health insurance, unemployment insurance; periodic health check-ups twice a year and once a year depending on the subject according to regulations.*

- Ngoài bữa ăn trưa, Công ty tiếp tục duy trì chế độ ăn sáng cho Người lao động trực tiếp tham gia sản xuất và chế độ ăn tối nếu làm thêm giờ theo quy định. Hỗ trợ tiền thuê nhà hoặc xăng xe cho Người lao động. Tặng quà sinh nhật, chăm lo quà Tết, thưởng lễ tết cho Người lao động, .../ *In addition to lunch, the company continues to maintain a breakfast regime for employees directly involved in production, and dinner if working overtime according to regulations. Support rent or gasoline for employees. Give birthday gifts, Tet gifts, holiday bonuses to employees, etc.*

- Tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên hoạt động đem lại lợi ích tinh thần cho Người lao động/ *Create conditions for the Trade Union and Youth Union to operate to bring spiritual benefits to employees.*

c) Hoạt động đào tạo Người lao động:/ *Employee training:*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định trong việc duy trì đào tạo bên ngoài, đào tạo nội bộ định kỳ cho Người lao động về An toàn vệ sinh thực phẩm; An ninh phòng vệ thực phẩm; An toàn vệ sinh lao động; diễn tập PCCC, diễn tập xử lý tình huống khẩn cấp; Đào tạo kiến thức liên quan đến các tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội; ... Với số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên như sau: *The company fully implements regulations in maintaining external training, periodic internal training for employees on Food Safety and Hygiene, Food Security and National Defense; Labor Safety and Hygiene; Fire Prevention and Fighting Drills, Emergency Response Drills; Training on knowledge related to Social Responsibility standards; ... With the average number of training hours per year, by employee and by employee group as follows:*

+ Đào tạo An toàn vệ sinh thực phẩm, An ninh phòng vệ thực phẩm định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên (năm/lần) *Periodic training on Food Safety and Hygiene, the product Security and Food Defense for all employees (year/time): 684 giờ/684 hour.*

+ Đào tạo ATLĐ cho 06 nhóm: *Labor Safety Training for 06 groups: 428 giờ/428 hour.*

+ Tuyên truyền phổ biến kiến thức về PCCC, Diễn tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khi có sự cố xảy ra trong quá trình làm việc tại Công ty *Dissemination of knowledge on Fire Prevention and Fighting, Rescue Drills when incidents occur during work at the company: 784 giờ/784 hour.*

+ Đào tạo kiến thức liên quan đến các tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội: *Knowledge training related to Social Responsibility standards: 384 giờ/384 hour.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ Người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development:*

Công ty luôn tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao trình độ *The company always creates conditions for officers and employees to participate in training courses to update professional knowledge and improve their qualifications.* Với số giờ tham gia đào tạo *With the number of hours of training: 264 giờ/264 hour.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: *Report on responsibility for local community:*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Công ty luôn có trách nhiệm với cộng đồng địa phương. Tham gia các hoạt động trong điều kiện khả năng của Công ty và vận động Người lao động cùng tham gia *The Company is always responsible to the community and locality. Participate in activities within the Company's capacity and mobilize employees to participate.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: *Report on green capital market activities under the guidance of the ssc: Không có/Do not have*

Lưu ý/ Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, Công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm) (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/ *Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty/ *The Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

Kết thúc năm 2024, mặc dù Công ty vẫn duy trì được một số thị trường và các khách hàng truyền thống nhưng các chỉ tiêu tài chính chưa đạt được kế hoạch đã đề ra và hiệu quả chưa cao/ *By the end of 2024, although the company still maintained some markets and traditional customers, the financial indicators did not meet the set plan and were ineffective.*

Lý do:/ *Reasons:*

+ Thị trường châu Âu giảm sút đáng kể do chủ trương quản lý vùng khai thác, siết chặt việc kiểm tra khai báo và giấy chứng nhận nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt/ *Orders decreased, the European market decreased significantly due to the policy of managing the exploitation area, tightening the inspection of declarations and certificates of origin of caught raw materials.*

+ Các mặt hàng cho thị trường Nhật quá tỉ mỉ nên chi phí sản xuất cao, sản lượng thấp/ *Products for the Japanese market are too meticulous, so production costs are high, output is low.*

+ Ảnh hưởng lạm phát kinh tế chung/ *Impact of general economic inflation.*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *The Company's achievements*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tuy chưa đạt được như kế hoạch đã đề ra nhưng Công ty đã nỗ lực để vượt qua khó khăn trong năm./ *Although the business results have not reached the set plan, the company has made efforts to overcome difficulties during the year.*

Kết quả thực hiện năm 2024:/ *Results in 2024:*

Nội dung/ <i>Contents</i>	ĐVT/ <i>Unit</i>	Kế hoạch 2024/ <i>Plan 2024</i>	Thực hiện 2024/ <i>Implementation 2024</i>	So sánh (%)/ <i>Comparison (%)</i>
Doanh số xuất khẩu/ <i>Export sales</i>	Triệu USD/ <i>Million USD</i>	2.5	1.6	64.00
Doanh thu/ <i>Revenue</i>	Tỷ đồng/ <i>Billion VND</i>	60.0	45.4	75.67
Sản lượng sản xuất/ <i>Production output</i>	Tấn/ <i>Tons</i>	750	743.5	99.13

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 – DN

			Đơn vị: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		150.279.981.834	154.833.972.622
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>670.863.138</i>	<i>74.230.717</i>
1 . Tiền	111		670.863.138	74.230.717
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.2.1</i>	<i>266.198.400</i>	<i>321.940.800</i>
1 . Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2 . Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(264.801.600)	(209.059.200)
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>17.972.941.641</i>	<i>10.159.649.652</i>
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.919.300.433	9.361.076.716
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	122.768.000	3.570.118.000
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	9.930.873.208	1.108.994.126
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(3.880.539.190)
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.6</i>	<i>131.294.907.721</i>	<i>135.795.954.118</i>
1 . Hàng tồn kho	141		145.618.504.274	150.119.550.671
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.323.596.553)	(14.323.596.553)
<i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>75.070.934</i>	<i>8.482.197.335</i>
1 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.11a	75.070.934	8.451.884.364
2 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	-	30.312.971
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.647.134.726	39.481.447.208
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II . Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>16.821.924.262</i>	<i>18.656.236.744</i>
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	9.746.531.595	11.294.421.321
- Nguyên giá	222		119.804.626.857	119.869.454.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.058.095.262)	(108.575.033.336)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.8	7.075.392.667	7.361.815.423
- Nguyên giá	228		15.210.878.493	15.210.878.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.135.485.826)	(7.849.063.070)
<i>III . Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.2.2</i>	<i>20.825.210.464</i>	<i>20.825.210.464</i>
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.992.000.000	14.992.000.000
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.219.425.650	22.219.425.650
3 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.386.215.186)	(16.386.215.186)
<i>VI . Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		187.927.116.560	194.315.419.830

			Đơn vị: VNĐ	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		102.641.462.685	109.308.399.100
<i>I . Nợ ngắn hạn</i>	310		43.732.795.171	51.224.964.635
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	12.929.155.634	16.573.166.074
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.076.499.310	1.455.289.175
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11c	237.327.772	213.362.645
4 . Phải trả người lao động	314	V.12	2.842.040.352	1.800.880.629
5 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	5.566.561.535	8.402.651.219
6 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	16.178.245.020	17.807.569.345
7 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	4.902.965.548	4.972.045.548
<i>II . Nợ dài hạn</i>	330		58.908.667.514	58.083.434.465
1 . Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	46.813.001.514	46.813.001.514
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	12.095.666.000	11.270.432.951
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.285.653.875	85.007.020.730
<i>I . Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.16	85.285.653.875	85.007.020.730
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	128.070.000.000
2 . Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		21.221.178.468	21.221.178.468
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(88.161.621.593)	(88.440.254.738)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(88.440.254.738)	(88.715.185.290)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		278.633.145	274.930.552
<i>II . Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		187.927.116.560	194.315.419.830

BALANCE SHEET

For the year ended 31 December 2024

FORM B01 - DN

			Unit: VND	
ASSETS	Codes	Notes	31/12/2024	01/01/2024
A - CURRENT ASSETS	100		150,279,981,834	154,833,972,622
<i>I . Cash and cash equivalents</i>	110	V.1	670,863,138	74,230,717
1 . Cash	111		670,863,138	74,230,717
2 . Cash equivalents	112		-	-
<i>II . Current financial investments</i>	120	V.2.1	266,198,400	321,940,800
1 . Trading securities	121		531,000,000	531,000,000
2 . Provisions for decline in value of trading securities	122		(264,801,600)	(209,059,200)
<i>III . Current accounts receivable</i>	130		17,972,941,641	10,159,649,652
1 . Short-term trade receivables	131	V.3	7,919,300,433	9,361,076,716
2 . Short-term advances to suppliers	132	V.4	122,768,000	3,570,118,000
3 . Other short-term receivables	136	V.5	9,930,873,208	1,108,994,126
4 . Provision for doubtful short-term debts	137		-	(3,880,539,190)
<i>IV . Inventories</i>	140	V.6	131,294,907,721	135,795,954,118
1 . Inventories	141		145,618,504,274	150,119,550,671
2 . Provisions for devaluation of inventories	149		(14,323,596,553)	(14,323,596,553)
<i>V . Other current assets</i>	150		75,070,934	8,482,197,335
1 . Deductible value added tax	152	V.11a	75,070,934	8,451,884,364
2 . Tax and other receivables from the State	153	V.11b	-	30,312,971
B - NON-CURRENT ASSETS	200		37,647,134,726	39,481,447,208
<i>I . Non-current accounts receivable</i>	210		-	-
<i>II . Fixed assets</i>	220		16,821,924,262	18,656,236,744
1 . Tangible fixed assets	221	V.7	9,746,531,595	11,294,421,321
- Historical costs	222		119,804,626,857	119,869,454,657
- Accumulated depreciation	223		(110,058,095,262)	(108,575,033,336)
2 . Intangible fixed assets	227	V.8	7,075,392,667	7,361,815,423
- Historical costs	228		15,210,878,493	15,210,878,493
- Accumulated amortization	229		(8,135,485,826)	(7,849,063,070)
<i>III . Investment properties</i>	230		-	-
<i>IV . Non-current assets in progress</i>	240		-	-
<i>V . Non-current financial investments</i>	250	V.2.2	20,825,210,464	20,825,210,464
1 . Investments in joint-ventures, associates	252		14,992,000,000	14,992,000,000
2 . Investments in equity of other entities	253		22,219,425,650	22,219,425,650
3 . Provisions for long-term financial investments	254		(16,386,215,186)	(16,386,215,186)
<i>VI . Other non-current assets</i>	260		-	-
TOTAL ASSETS	270		187,927,116,560	194,315,419,830

				Unit: VND	
RESOURCES	Codes	Notes	31/12/2024	01/01/2024	
C - LIABILITIES	300		102,641,462,685	109,308,399,100	
<i>I . Current liabilities</i>	310		43,732,795,171	51,224,964,635	
1 . Short-term trade payables	311	V.9	12,929,155,634	16,573,166,074	
2 . Short-term prepayments from customers	312	V.10	1,076,499,310	1,455,289,175	
3 . Tax and other payables to the State	313	V.11c	237,327,772	213,362,645	
4 . Payables to employees	314	V.12	2,842,040,352	1,800,880,629	
5 . Other short-term payables	319	V.13a	5,566,561,535	8,402,651,219	
6 . Short-term loans and finance lease liabilities	320	V.14a	16,178,245,020	17,807,569,345	
7 . Bonus and welfare funds	322	V.15	4,902,965,548	4,972,045,548	
<i>II . Non-current liabilities</i>	330		58,908,667,514	58,083,434,465	
1 . Other long-term payables	337	V.13b	46,813,001,514	46,813,001,514	
2 . Long-term loans and finance lease liabilities	338	V.14b	12,095,666,000	11,270,432,951	
D - OWNERS' EQUITY	400		85,285,653,875	85,007,020,730	
<i>I . Owners' equity</i>	410	V.16	85,285,653,875	85,007,020,730	
1 . Contributed capital of owners	411		128,070,000,000	128,070,000,000	
- Ordinary shares with voting rights	411a		128,070,000,000	128,070,000,000	
2 . Capital surplus	412		24,156,097,000	24,156,097,000	
3 . Investment and development funds	418		21,221,178,468	21,221,178,468	
4 . Undistributed profit after tax	421		(88,161,621,593)	(88,440,254,738)	
- Undistributed profit after tax brought forward	421a		(88,440,254,738)	(88,715,185,290)	
- Undistributed profit after tax this period	421b		278,633,145	274,930,552	
<i>II . Funding sources and other funds</i>	430		-	-	
TOTAL RESOURCES	440		187,927,116,560	194,315,419,830	

a) Tình hình tài sản/ Assets:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results)*: Giá trị tổng tài sản giảm nhẹ so với năm trước, nợ phải thu khách hàng giảm, tồn kho giảm dần qua các năm./ *Total asset value decreased slightly compared to the previous year, customer receivables decreased, and inventories decreased gradually over the years.*

b) Tình hình nợ phải trả:/ Debt Payable:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts*: Nợ phải trả giảm so với năm trước, nợ ngắn hạn giảm nhiều, nợ dài hạn tăng không đáng kể./ *Liabilities decreased compared to last year, short-term debt decreased significantly, long-term debt increased insignificantly.*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes*: Tỷ giá ngoại tệ biến động cao trong năm làm tăng nhẹ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, lãi

vay giảm so với năm trước./ *High fluctuations in foreign exchange rates during the year slightly increased exchange rate losses, and interest rates decreased compared to the previous year.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, and management*

- Tiếp tục nâng cao vai trò quản trị của Ban điều hành Công ty, chú trọng tiết kiệm chi phí tối đa. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tuy không đạt được như kế hoạch đã đề ra nhưng là nỗ lực của Ban điều hành để vượt qua khó khăn trong năm./ *Continue to enhance the management role of the Company's Board of Directors, focusing on maximum cost savings. Although the production and business results did not meet the set plan, it was an effort by the Board of Directors to overcome difficulties during the year.*

- Cố gắng duy trì, phát triển sản phẩm chế biến giá trị gia tăng./ *Try to maintain and develop value-added processed products.*

- Khai thác hiệu quả lợi ích từ tài sản và thiết bị sẵn có như gia công chế biến hàng xuất khẩu cho khách nội địa./ *Effectively utilize the benefits of available assets and equipment such as processing export goods for domestic customers.*

- Tiếp tục hợp tác, liên kết với các khách hàng tiềm năng trong và ngoài nước đảm bảo lợi ích của cả các bên./ *Continue to cooperate and link with potential domestic and foreign customers to ensure the interests of all parties.*

- Có chính sách ưu đãi hơn nữa để thu hút lao động có tay nghề và lao động phổ thông nhằm đáp ứng nhu cầu kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty./ *Have more preferential policies to attract skilled and unskilled workers to meet the needs of the Company's production and business development plan.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in future*

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục củng cố sản xuất, duy trì hợp tác gia công với các đối tác tiềm năng; tìm kiếm khách hàng mới; phát triển thêm thị trường./ *In 2025, the Company will continue to strengthen production, maintain processing cooperation with potential partners; seek new customers; develop more markets.*

- Chú trọng tăng năng suất lao động của công nhân, giảm chi phí sản xuất đặc biệt là tiết kiệm năng lượng./ *Focus on increasing labor productivity of workers, reducing production costs, especially saving energy.*

- Quan tâm giảm phát thải khí nhà kính góp phần bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu./ *Pay attention to reducing greenhouse gas emissions to contribute to environmental protection and climate change.*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/ *Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified): Không có/ Do not have*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.)*

- Công ty luôn chủ trương tiết kiệm năng lượng mặc dù do tính chất ngành nghề sử dụng chủ yếu là năng lượng điện và nước với số lượng lớn. Hơn nữa lượng nước thải đầu ra luôn phải chấp hành đúng qui định nhà nước nên chi phí xử lý thường xuyên cao/ *The company always advocates energy saving although due to the nature of the industry, it mainly uses electricity and water in large quantities. Moreover, the amount of wastewater output must always comply with state regulations, so the cost of treatment is often high.*

- Về năng lượng điện:/ *Regarding electricity:* Công ty hướng tới việc sử dụng năng lượng mặt trời khi có đủ điều kiện và thực sự hiệu quả/ *The company aims to use solar energy when conditions allow and it is really effective.*

- Lượng điện tiêu thụ/ *Electricity consumption:* 2,194,578 kWh/2,194,578 kWh

- Lượng nước tiêu thụ/ *Water consumption:* 9,613 m³/9,613 m³

- Lượng phát thải khí nhà kính khoảng 1,610 tấn CO₂ từ sử dụng điện, gas, xăng,... nhưng lượng phát thải chủ yếu từ sử dụng điện mua/ *Greenhouse gas emissions are about 1,610 tons of CO₂ from the use of electricity, gas, gasoline, ... but the emissions are mainly from the use of purchased electricity.*

- Hấp thụ khí CO₂ từ cây xanh/ *Absorption of CO₂ from trees:* khoảng 5.2 tấn/about 5.2 tons.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề Người lao động/ *Assessment concerning the labor issues*

Luôn tuân thủ các qui định về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Người lao động phù hợp với luật pháp và các tiêu chuẩn mà công ty đang áp dụng/ *Always comply with regulations on rights and obligations towards Employees in accordance with the law and standards applied by the company.*

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

- Công ty luôn có trách nhiệm với cộng đồng địa phương và tham gia các phong trào do cộng đồng địa phương vận động trong điều kiện khả năng của Công ty/ *The Company is always responsible to the community/locality and participates in movements initiated by the community/locality within the Company's capabilities.*

- Vận động Người lao động cùng tham gia/ *Mobilize employees to participate.*

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities*

- Năm 2024 tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt cả trong và ngoài nước./ *In 2024, the Company's business operations will still face many difficulties in the context of fierce competition both domestically and internationally.*

- Khó khăn về tài chính vẫn là áp lực lớn trong điều kiện hoạt động hiện tại của Công ty, nguồn vốn lưu động vẫn phụ thuộc vào nguồn vay ngân hàng với xu hướng giảm dần hạn mức vay. Công ty phải vay thêm từ nguồn vay cá nhân khác để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh./ *Financial difficulties are still a great pressure in the Company's current operating*

conditions, working capital still depends on bank loans with a tendency to gradually reduce the loan limit. The company must borrow more from other personal sources to meet production and business needs.

- Chi phí duy trì định kỳ hàng năm nhiều Chứng nhận theo yêu cầu thị trường và khách hàng hàng. Việc này đồng nghĩa với việc giá thành sản phẩm khó cạnh tranh và ảnh hưởng lợi nhuận của Công ty./ *Annual periodic maintenance costs of many Certificates according to market and customer requirements. This means that product prices are difficult to compete and the Company's profits decrease.*

- Việc tuyển dụng lao động có tay nghề ngày càng khó khăn. Để bù đắp lượng lao động thiếu hụt, Công ty chấp nhận chi phí đào tạo./ *Recruiting skilled workers is increasingly difficult. To compensate for the labor shortage, the Company accepts training costs.*

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty/ *Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance*

- Hội đồng Quản trị thường xuyên theo dõi và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc./ *The Board of Directors regularly monitors and supervises the activities of the Board of Directors.*

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đều có trình độ, được đào tạo về chuyên môn và có thâm niên trong nghề./ *The members of the Board of Directors are all qualified, professionally trained and have many years of experience in the profession.*

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phù hợp với chuyên môn và năng lực của từng vị trí./ *The Chairman of the Board of Directors has assigned specific tasks to the General Director and Deputy General Director in accordance with the expertise and capacity of each position.*

- Ban Tổng Giám đốc thường xuyên thực hiện họp giao ban để tổng kết và triển khai công việc, kịp thời giải quyết những vướng mắc hoặc khó khăn của các Bộ phận./ *The Board of Directors regularly holds meetings to summarize and deploy work, promptly resolve problems or difficulties of the Departments.*

- Ban Tổng Giám đốc cùng các thành viên trong bộ máy quản lý luôn nỗ lực thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó./ *The Board of Directors and members of the management apparatus always strive to carry out the production and business tasks of the year assigned by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.*

- Trong điều kiện khó khăn của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng phát huy hết năng lực và kinh nghiệm, không ngại khó cùng nhau đoàn kết vượt qua khó khăn./ *In the difficult conditions of the Company, the Board of Directors has tried to promote all its capacity and experience, not afraid of difficulties, and unite to overcome difficulties.*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị/ *Plans and orientations of the Board of Directors*

- Duy trì và phát triển các thị trường và khách hàng hiện có. Tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty./ *Maintain and develop existing markets and customers. Search for more potential customers suitable for the Company's production conditions.*

- Đưa ra và giám sát chặt chẽ các biện pháp cụ thể để giảm chi phí, phát huy và sử dụng hữu ích cơ sở hạ tầng và trang thiết bị sẵn có của Công ty./ *Propose and closely monitor specific measures to reduce costs, promote and effectively use the Company's existing infrastructure and equipment.*
- Củng cố bộ máy quản lý, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của các Bộ phận như vai trò kiểm soát nội bộ, điều hành quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh, quản lý vật tư, hàng tồn kho, .../ *Strengthen the management apparatus, improve the professional skills of Departments such as the role of internal control, production management, business management, material management, inventory, etc.*
- Tăng cường hợp tác, liên kết trong và ngoài nước, chủ động nắm bắt cơ hội./ *Strengthen domestic and foreign cooperation and association, proactively seize opportunities.*
- Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược phù hợp với mô hình của Công ty giúp gia tăng thể mạnh của mình để khôi phục và phát triển Công ty trong thời gian tới./ *Select strategic investors suitable for the Company's model to increase its strengths to restore and develop the Company in the coming time.*

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025:/ *2025 plan targets:*

- Kim ngạch xuất khẩu/ *Export turnover: 2,75 triệu USD/2,75 Million USD*
- Doanh thu/ *Revenue: 70 tỷ đồng/70 Billion VND*
- Sản xuất và gia công/ *Production and processing output: 800 tấn/800 Tons*
- Lợi nhuận sau thuế/ *Profit after tax: 1 tỷ đồng/1 Billion VND*

V. Quản trị công ty/ *Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/ *Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:/ *Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).*

STT No.	Họ và tên/ <i>Full name</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Số cổ phần/ <i>Number of shares</i>	Sở hữu CP (%)/ <i>Shares owned</i>	Ghi chú/ <i>Notes</i>
1	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân/ <i>Mrs. Nguyen Thi Kim Xuan</i>	Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of the Board</i>	2,348,522	18.34	
2	Ông Đặng Việt Hùng/ <i>Mr. Dang Viet Hung</i>	TV HĐQT/ <i>Board Member</i>	4,340	0.03	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Thu/ <i>Ms. Nguyen Thi Kim Thu</i>	TV HĐQT/ <i>Board Member</i>	970,000	7.57	
4	Ông Nguyễn Khoa Đình	TV HĐQT độc	-	-	

Hoàng/ Mr. Nguyen Khoa Dinh Hoang	lập/ Independent members of the Board			
---	---	--	--	--

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *The committees of the Board of Directors* (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/ *The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*)

- Tiểu ban chính sách phát triển/ *Development Policy Subcommittee*: 03 thành viên/03 members
- Tiểu ban nhân sự lương thưởng/ *Personnel and wages subcommittee*: 03 thành viên/03 members
- Tiểu ban Kiểm toán nội bộ/ *Internal Audit Committee*: 01 thành viên/01 members

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị/ *Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng Quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*

Stt No.	Ngày họp/ Meeting date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
1	05/02/2024	Thông qua việc vay vốn năm 2024 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM/ <i>Approval of borrowing capital in 2024 at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch</i>	100%
2	08/03/2024	Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024/ <i>Agree on the last registration date to exercise the right to organize the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
3	22/03/2024	Hủy ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo Thông báo số 07/032024/CV.ICF ngày 08/03/2024/ <i>Delay the last registration date to exercise the right to organize the Annual General Meeting of Shareholders according to Notice No. 07/032024/CV.ICF dated March 8, 2024.</i>	100%
4	06/04/2024	Gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024/ <i>Extension of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
5	23/04/2024	Thống nhất/ <i>Agree</i> : - Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 là ngày 15/05/2024/ <i>The last registration date to exercise the right to organize the 2024 Annual General Meeting of Shareholders is May 15, 2024.</i> - Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 là ngày 14/06/2024/ <i>The plan to organize the 2024 Annual General Meeting of Shareholders is June 14, 2024.</i>	100%
6	08/07/2024	Thống nhất/ <i>Agree</i> : Chọn Công ty TNHH Kiểm toán DKF Việt Nam là đơn vị	100%

		kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2024/ <i>Select DKF Vietnam Auditing Company Limited as the company's auditor in fiscal year 2024.</i>	
7	18/12/2024	Thống nhất/ <i>Agree:</i> Đồng ý nội dung Quy chế công bố thông tin/ <i>Agree on the content of the Information Disclosure.</i>	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members.* Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị/ *Activities of the Board of Directors' subcommittees:* (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results).*

- Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members:* Tham gia họp cùng Hội đồng Quản trị để giải quyết các vấn đề thuộc quyền hạn của Hội đồng Quản trị/ *Attend meetings with the Board of Directors to resolve issues within the Board of Directors' authority.*

- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị/ *Activities of the Board of Directors' subcommittees:*

+ Tiểu ban chính sách phát triển/ *Development Policy Subcommittee:* Tham gia họp 01 lần cùng HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đưa ra các chính sách phù hợp để phát triển Công ty/ *Participate in 01 meeting with the Board of Directors and the Board of General Directors to propose appropriate policies for the company's development.*

+ Tiểu ban nhân sự lương thưởng/ *Personnel and wages subcommittee:*

- Tham gia 04 lần họp và tham vấn cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc các vấn đề về nhân sự, lương thưởng/ *Participated in 04 meetings and advised the Board of Directors and the Board of Management on personnel and salary issues.*
- Tham gia chuẩn bị hồ sơ đánh giá Trách nhiệm xã hội/ *Participate in preparing Social Responsibility assessment documents.*

+ Tiểu ban Kiểm toán nội bộ/ *Internal Audit Committee:*

- Tham gia 09 lần họp định kỳ và khi cần thiết cùng HĐQT, Ban Điều hành Công ty để triển khai, giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/ *Participate in 09 regular meetings and when necessary, with the Board of Directors and the Executive Board of the company. To implement and resolve tasks related to the company's production and business activities.*

- Giám sát thường xuyên việc thực hiện các quy định của Công ty về ATVSTP, ATVSLĐ, Trách nhiệm xã hội/ *Regularly monitor the implementation of company regulations on Food Safety and Hygiene, Labor Safety and Hygiene and Social Responsibility.*

- Kiểm tra, rà soát, đánh giá nội bộ theo kế hoạch năm hoặc đột xuất. Báo cáo cho HĐQT, Ban Giám đốc và các Bộ phận/phòng ban liên quan nắm bắt khắc phục kịp thời/ *Inspect, review and evaluate internally according to annual or ad hoc plans. Report to the Board of Directors, the Board of General Directors and relevant Departments/Divisions for timely understanding and correction.*

- Tham gia tiếp các đoàn kiểm tra đánh giá chứng nhận của bên thứ ba, khách hàng, cơ quan nhà nước/ *Participate in receiving inspection, audit, and certification teams from third parties, customers and state agencies.*

- Là đầu mối tổng hợp các hành động khắc phục sau mỗi cuộc kiểm tra, đánh giá/ *Be the focal point for corrective remediation and prevention after each audits.*

- Phối hợp cùng các Bộ phận/phòng ban thực hiện đào tạo nội bộ theo quy định Công ty, bên ngoài theo quy định pháp luật/ *Coordinate with Departments/Divisions to conduct internal training according to the company's regulations and external training according to the law.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/ *The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year: Chưa tham gia đào tạo/ Not yet trained*

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Board of Supervisors/ Audit Committee*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành/ *The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*)

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ *Members and structure of the Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Số cổ phần/ <i>Number of shares</i>	Sở hữu CP (%) / <i>Shares owned</i>	Ghi chú/ <i>Notes</i>
1	Bà Nguyễn Thị Nhung/ <i>Mrs. Nguyen Thi Nhung</i>	Trưởng ban/ <i>Chief Supervisory Board</i>	1,000	0.01	
2	Ông Nguyễn Thế Phong/ <i>Mr. Nguyen The Phong</i>	Thành viên/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	4,000	0.03	
3	Bà Lê Thị Thu Vân/ <i>Mrs. Le Thi Thu Van</i>	Thành viên/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	203,270	1.59	

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results*).

- Hoạt động của Ban Kiểm soát/ *Activities of the Board of Supervisors:*

+ Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 được tiến hành một cách chủ động theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty/ *The activities of the Board of Supervisors in 2024 are carried out proactively in accordance with the provisions of law and the Company's Charter.*

+ Ban Kiểm soát họp định kỳ cùng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành để nắm bắt thông tin. Đồng thời đưa ra ý kiến đóng góp để có thể giải quyết công việc hiệu quả nhất/ *The Board of Supervisors meets periodically with the Board of Directors and the Executive Board to grasp information. At the same time it gives opinions and contributions to be able to solve the work most effectively.*

+ Luôn phối hợp cùng Ban kiểm toán nội bộ kiểm tra định kỳ hoặc khi chuẩn bị có kiểm tra đánh giá của bên thứ ba, việc thực hiện các qui định và tiêu chuẩn mà Công ty đang áp dụng/ *Always coordinate with the Internal Audit Board to periodically inspect or when preparing for a third-party assessment, the implementation of the regulations and standards that the company is applying.*

+ Kiểm tra giám sát chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp, báo cáo tài chính, công bố thông tin, việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty; giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn/ *Inspect and supervise the implementation of the company's obligations, financial reports, information disclosure, compliance with stock transactions of those related to the Board of Directors, the Board of General Directors, the Board of Supervisors and the Company's Chief Accountant; stock transactions of major shareholders.*

+ Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo Tài chính được thực hiện đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, hợp pháp trong việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, lập Báo cáo Tài chính năm/ *Financial reports: Balance sheet, Business performance report, Cash flow report, Financial Statement explanation are fully performed every quarter, ensuring accuracy and legality in recording, storing documents and preparing accounting books, preparing annual Financial Reports.*

+ Công tác kế toán: đã tuân thủ việc báo cáo kế toán theo đúng luật và các chuẩn mực kế toán được ban hành của nhà nước. Báo cáo tài chính năm 2024 được lập trên hệ thống phần mềm kế toán của CN Công ty Cổ phần Phát triển phần mềm ASIA và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DKF Việt Nam/ *Accounting work: has complied with accounting reporting in accordance with the law and accounting standards issued by the state. The 2024 financial report is prepared on the accounting software system of ASIA Software Development Joint Stock Company and audited by DKF Vietnam Auditing Company Limited.*

+ Về công bố thông tin: Trong năm 2024 công ty thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo đúng thời gian quy định, đáp ứng cho cơ quan quản lý và nhà đầu tư/ *Regarding information disclosure: In 2024, the company fully disclosed information within the prescribed time, meeting the requirements of management agencies and investors.*

+ Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát luôn được sự phối hợp, thông tin đầy đủ từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Bộ phận/ *Coordination of activities between the Board of Supervisors and the activities of the Board of Directors, the Executive Board and other management staff: During its operations, the Board of*

Supervisors always receives full coordination and information from the Board of Directors, the General Director Board and the Departments.

- Cuộc họp của Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán/ Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt No.	Ngày họp/ Meeting date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	05/03/2024	- Xem xét tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính năm 2023/ <i>Review the completeness, legality and honesty of the 2023 financial report.</i> - Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023/ <i>Evaluate the performance of the Board of Supervisors in 2023.</i>	100%
2	09/08/2024	Tổng kết lại sau rà soát, kiểm tra việc thực hiện các qui định, tiêu chuẩn mà Công ty đang áp dụng. Đề xuất hoàn thiện chuẩn bị cho các đánh giá quan trọng từ bên thứ ba/ <i>Summary after reviewing and checking the implementation of regulations and standards that the company is applying. Propose to complete the preparation for important assessments from third parties.</i>	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/ *Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits;* (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Nonmaterial benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).*

- Tổng thu nhập của HĐQT và Ban TGD năm 2024:/ *Total income of the Board of Directors and the Board of Management in 2024: 780,129,000 đồng/780,129,000 VND.*

- Tổng thu nhập của BKS năm 2024:/ *Total income of the Supervisory Board in 2024: 231,484,000 đồng/231,484,000 VND.*

- Trong năm 2024, HĐQT, Ban TGD và BKS không có thù lao/ *In 2024, the Board of Directors, Executive Board and Supervisory Board will not receive any remuneration.*

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/ *Share transactions by internal shareholders:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit*

Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons): Không có/ Do not have

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với Công ty, các công ty con, các công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

Trong năm có vay cá nhân của Bà Lê Thị Thu Vân – Thành viên Ban Kiểm soát và đã hoàn trả hết/ *During the year, a loan was taken from Ms. Le Thi Thu Van, a member of the Supervisory Board and it has been fully repaid.*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:/ *Assessing the Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/ Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance).*

- Nhìn chung, trong quá trình hoạt động việc thực hiện các quy định pháp luật về quản trị công ty tương đối tốt. Thực tế nếu còn những vấn đề chưa phù hợp thì cũng là do nguyên nhân khách quan. Vì vậy trong thời gian tới Công ty sẽ cố gắng sắp xếp cử nhân sự tham gia các lớp đào tạo về quản trị công ty để có đủ kiến thức từng bước hoàn thiện quản trị công ty theo đúng qui định Pháp luật/ *In general, during the operation, the implementation of legal regulations on corporate governance is relatively good. In fact, if there are still inappropriate issues, it is due to objective reasons. Therefore, in the coming time, the company will try to arrange for personnel to attend corporate governance training courses to have enough knowledge to gradually improve corporate governance in accordance with legal regulations.*

- Tăng cường vai trò giám sát của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ để hạn chế tối đa các sai sót trong quản trị và sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty/ *Strengthen the supervisory role of the Board of Control and the Internal Audit Board to minimize errors in management and business production to achieve the highest efficiency for the Company.*

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/ *Auditor's opinions*

“ Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư THương mại Thủy sản tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Auditors' opinion:

In our opinion, the financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of Investment Commerce Fisheries Corporation as at 31 December 2024, the result of its operations and cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and Regulations and other relevant legislation to the preparation and presentation of the financial statements.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính theo qui định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Chi tiết về Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán được công bố thông tin tại trang web: www.incomfish.com/The audited annual financial statements include the Balance Sheet, Income Statement, Cash Flow Statement and Notes to the Financial Statements in accordance with the law on accounting and auditing. Details of the audited 2024 Financial Statements are published on the website: www.incomfish.com

Nơi nhận/ Recipients:

- Lưu: VT, ...
- Archived:...

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY/
THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu/ Signature, full name and seal)



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN/ NGUYEN THI KIM XUAN